

KINH TAM MUỘI KIM CƯƠNG LUẬN

QUYỂN TRUNG

Phẩm Thứ 3: VÔ SANH HÀNH

Luận chép: Lúc Bồ-tát quán hành thành tựu, biết tự quán tâm thuận theo lý tu hành, chẳng có sanh tâm, chẳng phải không sanh tâm, cũng chẳng có hành, cũng chẳng phải không có hành, chỉ vì lìa bỏ các bên tăng thêm cho nên giả nói là không sanh không đối với có sanh mà sanh tâm, không ở nơi không có sanh mà sanh tâm, vì xa lìa các bên giảm bớt, cũng giả nói là hành. Tuy chẳng phải có hành của hữu hành, mà chẳng phải không có hành của vô hành, thế nên đặt ra tên gọi là phẩm Vô Sanh Hành.

Kinh: “Nhĩ thời Tâm Vương Bồ-tát văn Phật nói pháp xuất ba cõi ngoại bất khả tư nghị, từng tòa nhi khởi xoa thủ hiệp chưởng dĩ kệ vấn viết”. Lúc bấy giờ Tâm Vương Bồ-tát nghe Phật nói về pháp vượt khỏi ba cõi không thể nghĩ bàn, liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi vòng chấp tay dùng kệ thưa hỏi.

Luận chép: Hiển bày riêng trong quán hành có sáu phần, thứ nhất là xả bỏ tướng các cảnh hiển bày vô tướng quán đã xong ở trước. Dưới đây là phần thứ hai mất đi tâm sanh khởi đó nói về Vô sanh hành. Ngay trong văn có ba: Một chính là nói, hai là khen ngợi, phần thứ ba đó nói về nghe nói đạt được lợi ích. Trong phần một chánh nói có bốn phần của nó: Một là hướng đến hỏi - đáp lại. Hai là lại nêu lên hỏi - đáp. Ba là Bồ-tát lĩnh ngộ hiểu rõ. Bốn là Như-lai nói về thành tựu. Trong phần một có sáu: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Vấn nạn. 4. Từ chối. 5. Thỉnh cầu. 6. Giải thích. Trong phần một có hai: Trước là lời tựa của người kết tập kinh. Bồ-tát Tâm Vương thuận theo Thế mà lập thành tên gọi, nhưng nghĩa của Tâm Vương sơ lược có hai thứ: Một là tâm của tám thức cai quản các tâm sở nên gọi là Tâm Vương. Hai là pháp của một tâm cai quản toàn bộ nhiều đức cho nên gọi là Tâm Vương. Nay Bồ-tát này nhập vào vô sanh hành chứng đạt một Tâm Vương, từ thế đã chứng dùng lập

thành tên gọi. Nay trong phẩm này nói về vô sanh hành, cho nên Bồ-tát Tâm Vương khởi sự thưa hỏi về pháp thoát ra ba cõi không thể nghĩ bàn, là nêu ra pháp đã nghe để làm căn bản cho sự khởi sự thưa hỏi. Pháp đã nghe đó nghĩa là phẩm trước giới thiệu, nay lại nêu ra sau để thâm nhiếp điều trước đó, nghĩa là cuối cùng tụng chép: Vượt thoát ba cõi cho đến đã thành tựu nên.

Kinh: “Như-lai sở nói nghĩa, xuất thế vô hữu tướng, khả hữu nhất thiết sanh, giai đắc tận hữu lậu, đoạn kết không tâm ngã, thị tức vô hữu sanh, vân hà vô hữu sanh, nhi hữu vô sanh nhẫn”. Nghĩa mà Như-lai nói xuất thế chẳng có tướng Có, có thể có tất cả sanh, đều được tận cùng hữu lậu, dứt hẳn tâm - ngã là không, đây chính là không có sanh, vì sao không có sanh, mà lại có vô sanh nhẫn?

Luận chép: Hai tụng này là từ ngữ thưa hỏi, trong đó tụng đầu là lãnh ngộ điều đã nói trước đây, nửa bài tụng trên lãnh ngộ pháp ấn về một vị trước đó, nửa bài tụng sau là lãnh ngộ sự thành tựu về nhất thừa tiếp đó, một tụng sau chính là khởi sự thưa hỏi, trong đó nửa tụng trước là nhắc lại nghĩa Vô sanh, nửa tụng sau hỏi về vô sanh nhẫn, đã không có sanh, thì phải không có tâm nhẫn.

Kinh: “Nhĩ thời Phật cáo Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Thiện nam tử! Vô sanh pháp nhẫn, pháp bốn vô sanh, chư hành vô sanh, phi vô sanh hành, đắc vô sanh nhẫn tức vị luống dối”. Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ-tát Tâm Vương: Nay người thiện nam! Vô sanh pháp nhẫn, pháp vốn sanh khởi, các hành vô sanh, chẳng phải vô sanh hành đạt được Vô sanh nhẫn tức là luống dối.

Luận chép: Đây là phần thứ hai là trả lời. Ý trả lời có hai: Trước chỉ ra tướng vô sanh nhẫn, sau là nói rõ sai lầm về có đạt được. Vô sanh pháp nhẫn: Thông hiểu pháp vốn vô sanh, vậy thì Định Tuệ các hành cũng vô sanh, chẳng phải đối với vô sanh mà có khả năng hành nhẫn. Do đó nói chẳng phải sanh hành. Trong đó có đạt được hành của khả năng nhẫn thì trái với chân thật nhẫn không có trụ không có hành (vô trụ vô hành), cho nên nói tức là luống dối.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Đắc vô sanh nhẫn tức vi luống dối, vô đắc vô nhẫn ưng phi luống dối”. Tâm Vương Bồ-tát chép: Bạch Đức Thế Tôn! Đạt được vô sanh nhẫn tức là luống dối, không đạt được vô sanh nhẫn, lẽ ra chẳng phải luống dối.

Luận chép: Đây là phần thứ ba vấn nạn Ý vấn nạn mà chép: Nếu cho rằng có đạt được có nhẫn là luống dối, thì nghĩa là không đạt được vô sanh nhẫn thì lẽ ra chẳng phải luống dối, vì ngược lại với luống dối.

Những người học Đại thừa vô sở đắc, chấp như vậy, tự cho là chẳng phải luống dối, vì hiển bày cái vọng kia cho nên vẫn nạn như đây.

Kinh: “Phật ngôn: Bất! Hà dĩ cố? Vô đắc vô nhãn thị tắc hữu đắc, hữu đắc hữu trụ thị tắc hữu sanh, hữu sanh ư đắc, hữu sở đắc pháp tịnh vi luống dối”. Đức Phật nói: Không phải! Tại vì sao? Không đạt được vô sanh nhãn tức là có đạt được, có đạt được có an trụ tức là có sanh khởi đối với đạt được, có pháp đã đạt được hoàn toàn đều luống dối.

Luận chép: Đây là phần thứ tư từ chối. Trong đó có hai: Không phải ấy là thẳng thắn từ chối. Từ “Tại vì sao? v.v...” trở xuống là phần thứ hai giải thích về từ chối. Ý từ chối mà chép: Nếu ý kia cho rằng không đạt được vô sanh nhãn thì tuy không thật có cái có của có đắc - có nhãn mà còn đạt được cái không của không đắc - vô sanh nhãn đó. Đã đạt được đối với cái không có thì tâm trụ vào nơi không có, tâm đã có trụ vào tức là có sanh khởi, nghĩa là có tâm sanh khởi đối với có cái đã đạt được, cũng trái với vô sanh không có đạt được, vì thế cho nên nói rằng hoàn toàn là luống dối.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Vân hà vô nhãn vô sanh tâm nhi phi luống dối?”. Tâm Vương Bồ-tát chép: Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tâm vô sanh nhãn - bất sanh khởi mà lại chẳng phải luống dối?

Luận chép: Đây là phần thứ năm thỉnh cầu. Truy tìm vấn nạn đến cùng lộ trình mà ý không có thể đến được, vì thế cần phải ngược lên thưa hỏi thỉnh cầu mong được hướng dẫn cho.

Kinh: “Phật ngôn: Vô nhãn vô sanh tâm giả, tâm vô hình đoạn, do như hỏa tánh, tuy xử mộc trung kỳ tại vô sở quyết định tánh cố, đản danh đản tự, tánh bất khả đắc, dục thuyên kỳ lý, giả nói vi danh, danh bất khả đắc, tâm tướng diệt nhĩ, bất kiến nơi chốn, tri tâm như thị tắc vô sanh tâm”. Đức Phật nói: Tâm vô nhãn vô sanh ấy là tâm không có hình hài dài ngắn, giống như tánh lửa, tuy ở trong gỗ mà nó thuộc về tánh không có gì quyết định, chỉ là danh từ chỉ là tên gọi, tánh không thật có, muốn giải thích về lý đó, mượn làm tên gọi, tên gọi không thật có, tướng của tâm cũng như vậy, không thấy nơi chốn biết tâm như vậy thì vô sanh.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ sáu giải thích. Trong đó có bốn: Trước khai bày đạo lý vô đắc. Kế đến chỉ ra đạo lý vô sanh. Ba là nêu lên không phải. Bốn là trình bày chính là. Trong phần đầu có ba, đó là Pháp - Dụ và Hạp. Đầu tiên nói về tâm vô nhãn vô sanh ấy là nhắc lại tâm của pháp nhãn đang hiện tại. Nói rằng tâm vô hình đoạn ấy là nói

rõ tâm không thật có. Hình là nói về Thể, Đoạn là nói về Phần, chính là trong các duyên cầu tìm Thể Phần của tâm, hoặc chính là - hoặc xa lìa đều không có gì đạt được. Do lý này cho nên không có hình hài dài ngắn. Không phải ấy gọi là tướng hình đoạn của vô sắc. Trong dụ về tánh lửa tuy ở trong gỗ là dụ cho tâm nhãn, tuy ở trong lý mà nó thuộc về không có gì (Vô sở), ngay trong gỗ này có nhiều cực vi, trong đó hoàn toàn không có tánh lửa. Như vậy trong lý có hằng sa pháp môn, ở trong đó tìm tâm không bao giờ có ở đó, như vậy tánh lửa không có lý ở đó, có Phật - không có Phật thì pháp tánh thường như vậy, cho nên nói là tánh Quyết định. Từ “Hỏa tánh danh v.v...” về sau là nghĩa không thật có. Như vậy tánh lửa tuy không thật có mà trong gỗ đó không phải không có tánh lửa. Muốn giải thích lý này nói về tên gọi tánh lửa, mở rộng phân tích tên gọi này chỉ có các chữ, chuyển sang cầu tìm các chữ đều không thật có. Danh tướng của tâm nhãn nên biết cũng như vậy, cho nên kể là hợp lại mà chép: Tướng của tâm cũng như vậy. Bồ-tát đạt được nhãn biết tâm như vậy, làm sao có thể ở trong đó thường giữ lấy tâm sanh? Căn cứ điều này cho nên chép: Không có tâm sanh.

Kinh: “Thiện nam tử! Thị tâm tánh tướng hựu như A-ma-lặc-quả bốn bất tự sanh, bất tùng tha sanh, bất cộng sanh, bất nhân sanh, vô sanh. Hà dĩ cố? Duyên đại tạ cố duyên khởi phi sanh, duyên tạ phi diệt, ẩn hiển vô tướng, căn lý vắng lặng, tại vô hữu xứ bất kiến sở trụ, quyết định tánh cố”. Nay người thiện nam! Tánh tướng của tâm này lại như quả A-ma-lặc, vốn không tự sanh ra, không từ nơi khác sanh ra, không cùng chung sanh ra, không nhân tố sanh ra, không có sanh ra. Tại vì sao? Vì duyên thay thế tàn tạ cho nên duyên phát khởi chẳng phải sanh, duyên rơi rụng chẳng phải diệt, ẩn kín hiển bày không có tướng, gốc rễ lý vắng lặng, tồn tại mà không có nơi chốn, không thấy nơi an trụ, vì tánh quyết định.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai nói về lý vô sanh. Trong đó có hai: Trước là dụ - sau là hợp. Trong dụ có hai: Trước nói về bốn bất, sau nói về tám bất. Nói về bốn không là vì đối đãi duyên nên không tự sanh, tự gieo hạt nên không từ nơi khác sanh; không tạo tác cho nên chẳng cùng chung sanh, có tác dụng cho nên chẳng thể không có sanh. Lại, lúc chưa sanh không có tự nhiên cho nên không từ tự sanh. Khi đã sanh, đã có nên không cần tự đã không thành tựu, chờ đợi ai có người khác? Tự - tha đã không có, sao có thể có cùng sanh? Có nhân tố mà sanh, đã không thật có, huống chi có không nhân tố mà sanh ư? Như vậy cầu mong sanh khởi đều không có gì đạt được. Nói về không nhân tố

sinh ra và không có sinh ra: Là nói về chẳng thể không có nhân tố mà sinh, gọi là không khả năng sinh ra nhân “không có” mà quả được sinh ra. Từ “vì sao v.v...” trở xuống là giải thích điều phục nghi ngờ. Ý nghi ngờ chép: Ba cái bất như vậy, thứ ba như thế nào? Ý cho rằng quả sinh ra - hạt giống là nhân tố gần, đất - nước là duyên xa. Hai thứ này cùng hợp lại cho nên có quả sinh ra, vì sao lại nói không cùng chung sinh ra? Thế nên hỏi là vì sao? Vì duyên thay thế tàn tạ: Nói về hai duyên kia trước là thay thế, sau là rơi rụng không thể nào tạm dừng. Lúc dừng đã không có thì chẳng có công dụng, công dụng chẳng có cho nên đều không thể sinh ra quả. Như kệ chép: “Các hành đều là sát-na, trụ còn không có hướng chi là dụng”, do đó lại cầu thay thế tàn tạ, không có sinh không có diệt, Vì sao? Vì đã không có tạm thời an trụ thì không có sinh, vì sinh không có, nên không có diệt vì thế nói duyên phát khởi chẳng phải sinh, duyên rơi rụng chẳng phải diệt. Như vậy suy xét tìm kiếm ẩn kín hay hiển bày đều không thật có. Ẩn kín là hạt giống còn dưới mặt đất, hiển bày là mầm cây đã nảy ra trên mặt đất. Gốc rễ lý vắng lặng: Suy xét gốc rễ cây đó và lý của thân cây cầu sinh ra nhân của quả cây rốt ráo không bao giờ phát khởi, cho nên nói là vắng lặng. Còn không có nơi chốn, không thấy nơi an trụ, Vì sao? Vì tánh quyết định, nghĩa về tánh quyết định như trước đã nói.

Kinh: “Thị quyết định tánh diệt bất nhất bất dị bất đoạn bất thường bất nhập bất xuất bất sanh bất diệt, ly chư tứ báng ngôn ngữ đạo đoạn, vô sanh tâm tánh diệt phục như thị, vân hà nói sanh bất sanh hữu nhân vô nhân?”. Tánh quyết định này cũng không phải một là không khác - không đoạn - không thường - không vào - không ra - bất sanh - không diệt, xa lìa các loại về bốn sự chê bai đường ngôn ngữ dứt, tâm tánh vô sanh cũng giống như vậy, vì sao nói là sanh - bất sanh - có nhân - không nhân?

Luận chép: Kế là nói về tám bất. Chẳng phải dứt khoát pháp là như vậy, chỉ riêng bốn bất trước đây cũng đủ bật dứt tám thứ như một là khác v.v... Vì sao như vậy? Vì quả và hạt giống không phải một, tướng đó không như nhau, mà cũng chẳng khác nhau, xa lìa hạt giống không có quả. Lại, hạt giống và quả không dứt đoạn vì quả nối tiếp hạt giống sinh ra, mà cũng không thường hằng, vì quả sinh ra thì hạt giống diệt đi. Hạt giống không nhập vào quả, vì lúc là quả thì không hạt giống. Không ngoài hạt giống vì khi là hạt giống thì không có quả, không vào trong, không ra ngoài cho nên bất sanh. Không thường hằng không dứt đoạn cho nên không diệt. Không diệt cho nên chẳng thể nói là. Bất sanh

cho nên không thể nói có. Xa lìa hai bên nên không thể nói là vừa có vừa không có. Không thích hợp một là trung cho nên không thể nói là chẳng phải có chẳng phải không. Vì thế nói là xa lìa các loại về bốn sự chẻ bai ngôn ngữ dứt. Quả A-ma-lặc như vậy bắt dứt nói năng. Tâm pháp nhãn cũng không khác chỗ này, cho nên nói tâm tánh vô sanh cũng giống như loại này.

Kinh: “Nhược hữu nói tâm hữu đắc hữu trụ cập dĩ kiến giả tức vi bất đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-Bồ-đề Bát-nhã, thị vi trường dạ”. Nếu có người nói tâm có đạt được - có an trụ cho đến nhìn thấy tức là không đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề-bát-nhã, đúng là đêm dài tăm tối.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nêu lên điều không đúng. Nghĩa là có người nói rằng tâm thể của tâm vô sanh nhãn có thể được an trụ vào vô sanh, và cùng với người có thể nhìn thấy lý Vô sanh, không hiểu rõ tâm tánh, dứt khoát là vọng chấp thường chướng ngại Bồ-đề và Bát-nhã đó là nói về không đạt được tính Bồ-đề thanh tịnh có thể chứng Bát-nhã. Lại, Bồ-đề là bắt đầu khởi lên Bồ-đề. Nói Bát-nhã là nhân của Bồ-đề, không đạt được nhân giác ngộ cho nên là đêm dài tăm tối, vọng tưởng từ vô thí là giấc mộng rất lớn.

Kinh: “Liễu biệt tâm tánh giả tri tâm tánh như, thị tánh diệt như, thị vô sanh hành”. Phân biệt rõ ràng tâm tánh ấy là biết tâm tánh Như, tánh này cũng Như, là vô sanh hành.

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói rõ điều đúng. Nói liễu biệt tâm tánh tức là dùng tự tâm hiểu rõ tánh của tự tâm. Như kinh chép: “Nếu có thể dùng khả năng giữ lấy tác ý trở lại có thể thông đạt khả năng giữ lấy tác ý, như vậy chính là năng duyên bình đẳng - sở duyên bình đẳng, trí vô lậu phát sanh thông đạt Thánh đế”. Biết tâm tánh như: Vì biết tự quán tâm thể tánh bình đẳng. Tánh này cũng như: Là có thể biết dụng, vì tánh dụng bình đẳng, như vậy quán tâm thể dụng bình đẳng, bất sanh - không diệt - không trước - không sau. Vì điều này cho nên nói là vô sanh hành. Trước nói về Vô sanh của bốn bất là nói rõ lý vô sanh, lý thông suốt phạm Thánh. Nay nói về vô sanh của biết Như (tri như) là nói về Vô sanh hành, hành riêng ở Thánh, hành của Thánh cùng một vị với lý, lý thông suốt với khắp cả, bình đẳng với trí, bình đẳng một vị cho nên bậc Thánh vốn không thể nào khác nhau. Có chung có riêng cho nên bậc Thánh vốn không thể nào giống nhau. Không thể nào giống nhau ấy tức là giống nhau mà khác nhau. Không thể nào khác nhau ấy tức là khác nhau mà giống nhau. Giống nhau ấy là phân rõ giống nhau

đối với khác nhau. Khác nhau ấy là trình bày khác nhau đối với giống nhau. Trình bày khác nhau đối với giống nhau ấy chẳng phải phân chia giống nhau làm khác nhau. Phân rõ giống nhau đối với khác nhau ấy là chẳng phải loại trừ khác nhau làm giống nhau. Vì giống nhau chẳng phải loại trừ khác nhau cho nên không thể nói là giống nhau. Khác nhau chẳng phải phân chia giống nhau cho nên không thể nói là khác nhau. Nhưng vì không thể nói khác nhau cho nên được nói là giống nhau không thể nói giống nhau cho nên được nói là khác nhau. Nói và không nói chẳng hai chẳng khác.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Tâm nhược bốn như vô sanh ư hành, chư hành vô sanh, sanh hành bất sanh, bất sanh vô hành, tức vô sanh hành dã”. Bồ-tát Tâm Vương chép: Bạch Đức Thế Tôn! Tâm nếu vốn là Như, vô sanh đối với hành, các hành vô sanh, sanh hành không thể sanh, không thể sanh vô hành, tức là vô sanh hành.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai quay lại chất vấn - trả lời. Trong đó có tám: 1. Đưa ra hành vấn nạn lý; 2. Hỏi vặn lại có chứng đạt; 3. Dựa vào trả lời không có chứng đạt; 4. Hỏi vặn lại có đạt được; 5. Dựa vào trả lời không có đạt được; 6. Nói về không có chứng đắc đạt được; 7. Lại trình bày điều nghi ngờ; 8. Giải quyết sự nghi đó. Đây chính là thứ nhất nêu ra hành vấn nạn lý. Nói tâm nếu vốn là như vô sanh đối với hành ấy là nêu ra nghĩa về hành vô sanh đã nói trước đây, đó chính là trước đây nói “Biết tâm tánh Như, tánh này cũng Như, là vô sanh hành”, nghĩa là vô sanh đối với hành của sanh diệt, tức là chính là nêu ra hành tướng của vô sanh. Nói là hành vô sanh ấy là nêu ra lý vô sanh, nghĩa là hành năm ấm của các chúng sanh xưa nay vô sanh. Sanh hành không thể sanh là nói về lý vô sanh khác với hành vô sanh, nghĩa là sanh khởi hành chính là Không không thể sanh chẳng phải do chứng lý diệt tâm không thể sanh. Nói không thể sanh vô hành ấy là hiển bày lý bất sanh tương tự hành vô sanh, nghĩa là môn Bất sanh cũng là vô tâm hành, như vô sanh nhãn - vô phân biệt hành cho nên thuận theo chính là vô sanh hành phải chăng? Nếu vậy thì tất cả phàm phu không ai chứng đắc vô sanh nhãn.

Kinh: “Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ dĩ vô sanh nhi chứng vô sanh hạnh da?”. Đức Phật nói: Này người thiện nam! Ông dùng vô sanh mà chứng vô sanh hành phải chăng?

Luận chép: Đây là phần thứ hai hỏi vặn lại có chứng đạt. Ý vặn lại mà chép: Lúc Ông nhập vào quán Vô sanh nhãn vì dựa vào lý các hành vô sanh mà được Vô sanh chăng? Sở dĩ chất vấn ngược lại như thế

là vì kia dùng lý vô sanh phân biệt khác với hành vô sanh mà vấn nạn lý vô sanh cũng là hành vô sanh. Nay hỏi vặn: Lúc ông nhập vào quán lý - hành phân biệt khác nhau, có năng - sở hay chăng?

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Bất! Hà dĩ cố? Như vô sanh hành tánh tướng vắng lặng, vô kiến vô văn, vô đắc vô thất, vô ngôn vô nói, vô tri vô tướng, vô thủ vô xả, vân hà thủ chứng? Nhược thủ chứng giả tức vi trách luận, vô tránh vô luận nãi vô sanh hành”. Bồ-tát Tâm Vương chép: Không thể! Vì sao? Như vô sanh hành tánh tướng là không vắng lặng, không thấy không nghe, không được không mất, không lời không nói, không biết không tướng, không lấy không bỏ, làm thế nào thủ chứng? Nếu thủ chứng tức là tranh luận, không tranh luận chính là Vô sanh hành.

Luận chép: Đây là phần thứ ba vâng mạng trả lời không có chứng đạt. Trong đó có ba: Một là nói về không có chứng đạt; hai là nêu ra cái sai; ba là nói đều đúng. Trong phần một lại có hai: Trước là nêu ra - sau là giải thích. Như vô sanh hành tánh tướng vắng lặng là câu nêu chung. Nói tánh vắng lặng, nghĩa là quán tâm Thể tánh xa lìa tướng sanh diệt, tức là Biết tâm tánh Như đã nói ở trước. Tướng vắng lặng là quán tâm biết dụng, dụng tướng cũng Như, chính nói rằng Tánh này cũng Như ở trước. Xuống dưới dùng mười vô giải thích câu chung này. Không thấy, không nghe: Tâm tánh ít có phẳng lặng, phẳng lặng cho nên bắt dứt sắc chất chẳng phải cái mà hình tượng biểu thị vì ít có cho nên bắt dứt âm thanh chẳng phải cái mà giáo pháp giải thích (sở thuyên) không được, không mất: Là nói Không mà chẳng có gì đạt được, xả bỏ Sanh mà không có gì mất đi. Bốn không có (tứ vô) như vậy giải thích về tánh Vắng lặng. Không lời, không chép: Tâm hành đã vắng lặng không khởi lên nói năng. Không biết không tướng: Tâm hành vắng lặng xa lìa hai phần. Không lấy, không bỏ: Đã không có phân biệt không có tánh đáng giữ lấy - không có tướng đáng bỏ. Sáu như vậy giải thích về tướng Vắng lặng. Trong Vô sanh hành vắng lặng như vậy, vì sao ở trong đó mà lại có thủ chứng? Lúc đấy lên trả lời điều này thì tự biết vấn nạn trước đây không trở thành khó khăn. Nêu ra cái sai nói lên cái đúng. Tìm hiểu thì có thể biết được.

Kinh: “Phật ngôn: Nhữ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề-dạ”. Đức Phật nói: Ông đạt được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề hay chăng?

Luận chép: Đây là phần thứ tư hỏi vặn lại có chứng đạt chăng. Hỏi: Bồ-tát chưa đạt được A nậu Bồ-đề, tại vì sao Như-lai hỏi ông đạt

được chăng? Giải thích: Ở đây tuy chưa đạt được Bồ-đề rốt ráo, mà đã chứng đắc Sơ Địa Bồ-đề. Như trong luận Pháp Hoa chép: “Tám đời cho đến một đời đạt được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, nghĩa là chứng đắc Sơ Địa Bồ-đề, vì xa lìa sanh tử Phần đoạn trong ba cõi, tùy theo phần có thể thấy chân như Phật tánh gọi là đạt được Bồ-đề, chẳng phải cho là rốt ráo đầy đủ Như-lai phương tiện Niết-bàn”. Xét rằng: Là dựa theo chân như Phật tánh gọi tên là Bồ-đề, có thể chứng đắc cái thấy cho nên gọi là đạt được Bồ-đề. Như trong kinh nói các pháp tánh không chính là Bồ-đề. Hán dịch như vậy.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả! Ngã vô đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Hà dĩ cố? Bồ-đề tánh trung vô đắc vô thất, vô giác vô tri, vô phân biệt tướng, vô phân biệt trung tức thanh tịnh tánh, tánh vô gian tạp, vô hữu ngôn nói, phi hữu phi vô, phi tri phi bất tri, chư khả pháp hành diệc phục như thị. Hà dĩ cố? Nhất thiết pháp hành bất kiến nơi chốn, quyết định tánh cố bản vô hữu đắc bất đắc, vân hà đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề?”. Bồ-tát Tâm Vương chép: Bạch Đức Thế Tôn! Con không đạt được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Vì sao? Vì trong tánh Bồ-đề không có được - không có mất - không có hiểu - không có biết, không có sự phân biệt, trong chỗ không có phân biệt chính là tánh thanh tịnh, tánh không có pha tạp, không có nói năng, chẳng phải có - chẳng phải không có, chẳng phải biết - chẳng phải không biết, các pháp có thể hành cũng giống như vậy. Tại vì sao? Vì tất cả pháp hành không thấy nơi chốn, tánh quyết định cho nên vốn chẳng có được hay không được, làm sao được A-nậu-da-la Tam miệu Tam Bồ-đề?

Luận chép: Đây là phần thứ năm dựa vào trả lời không có được. Trong đó có ba, đó là nêu ra, giải thích và kết luận. Trong phần giải thích có hai: Trước là nói Bồ-đề vốn đạt được mà tánh không hề đạt được; sau là nói các hành có thật có mà tướng không hề đạt được. Trong phần trước nói về tánh Bồ-đề, nghĩa là tánh chân như là không vô ngại - tánh xa lìa tối tăm che ngăn nên gọi là Bồ-đề. Trong đó vốn không có chân tánh giữ lại, cũng chính là vốn không có vọng tướng mất đi, cho nên nói là không có được, mất. Như vậy cái hiểu vốn có (bổn giác) xa lìa cái hiểu của suy nghĩ tạo thành, cũng mất đi cái biết bất chợt cho nên nói là vô giác vô tri. Đã không có cái thấy phân biệt xa lìa, tướng sở hành nên nói là không có tướng phân biệt. vì như vậy cho nên nói chẳng bị hoặc làm vấn đục, bổn tánh xa lìa tạp nhiễm nên nói là Tức tánh thanh tịnh. Chiều dọc chẳng phải sanh diệt làm cho gán cách-

chiều ngang chẳng phải năng sở làm cho lẫn lộn, cho nên nói là Tánh không xen lẫn. Không có ngôn nói là vì năng ngôn - sở ngôn chẳng có gì không thể bật dứt. Chẳng có, chẳng không ấy là tuy chẳng phải có Như mà chẳng phải không có Như. Chẳng phải biết, chẳng phải không biết là tuy chẳng phải vốn có hiểu biết mà chẳng phải không thể hiểu biết. Tánh Bồ-đề như thế không có nghĩa để đạt được Từ “Các pháp có thể hành v.v...” trở xuống là kể là hiển bày hành không có khả năng đạt được. Như phẩm trước nói về hành của sáu độ chẳng có gì không phải là khuôn phép chân thật (chân quý). Nói khả năng được các pháp cũng như thế ấy là vì giống như Vô đắc trước đây. Tất cả pháp hành ấy là các hành về sáu độ. Không thấy nơi chốn ấy là không nhìn thấy nơi chốn vốn có thể hành như được - mất - hiểu - biết cho đến có - không - biết - không biết v.v... Cùng với Bồ-đề bình đẳng và hoàn toàn bình đẳng, cho nên vốn không có khả năng đạt được hay không thật có. Từ “Làm sao v.v...” về sau là tổng hợp kết luận về Vô đắc.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị, như thị! Như nhữ sở ngôn nhất thiết tâm hành bất quá vô tướng thể tịch vô sanh”. Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói tất cả tâm hành chỉ là Vô tướng - thể vắng lặng Vô sanh.

Luận chép: Dưới đây là phần sáu Như-lai nói về thành tựu, trong đó có ba: Một là chính nói về, hai là nêu ra cái sai, ba là nói về chỗ đúng. Trong phần Một cũng có ba: Nói chung về. Nói riêng sau cùng lại kết luận thành tựu. Đầu tiên là nói “đúng thế, đúng thế” ấy là nói về vô chứng ở trước và vô đắc ở sau. Từ “tất cả v.v...” trở xuống là phần hai nói riêng. Nói vô sanh là vô sanh hành, nói về không có năng chứng - năng đắc. Nói về vắng lặng là lý vắng lặng, nói không có sở chứng - sở đắc. Đầu tiên nói về tất cả tâm hành là vì tất cả trí vô phân biệt của xuất thế tương ứng với tâm hành không giữ lấy các tướng chứng đạt lĩnh hội vô tướng. Nói chỉ là vô tướng - thể ở trong vắng lặng sâu xa nhưng vô sanh cho nên nói là thể vắng lặng vô sanh.

Kinh: “khả hữu thức thức, diệc phục như thị. Hà dĩ cố? nhãn nhãn xúc tất giải vắng lặng, thức diệc vắng lặng, vô hữu động bất động tướng, nội vô tam thọ, tam thọ vắng lặng, nhĩ tử thiết thân, tâm ý ý thức cập dĩ Mạt-na A-lê-da diệc phục như thị, giai diệc bất sanh tâm vắng lặng cập vô sanh tâm”. Có thể có thức thức, cũng giống như vậy. Tại vì sao: Vì nhãn - nhãn tiếp xúc đều là không vắng lặng, thức cũng là không vắng lặng, không có tướng động hay bất động bên trong không có ba thọ, ba thọ vắng lặng, nhĩ tử thiết thân, tâm ý - ý thức cho đến Mạt-na, A-lê-da

cũng giống như vậy, cũng đều không thể sanh khởi tâm vắng lặng và tâm vô sanh.

Luận chếp: Đây là phần thứ hai thuật về nghĩa vắng lặng, đó là tám thức là không vắng lặng của các thế gian. Trong đó có hai: Một là ví dụ trước, hai là giải thích rộng ra. Đầu tiên chếp: Có thể có thức - thức thâm nhiếp chung tất cả tám thức vốn có ở thế gian, như nói xứ xứ, vì thâm nhiếp tất cả nơi chốn. “Cũng như thế ấy là Lý Vắng lặng giống như Vô sanh của tâm xuất thế trước đây. Từ “Vì sao? v.v...” trở xuống là phần hai giải thích rộng. Nhãn là nhãn căn, nhãn xúc tức là xúc trong Biến hành, dựa vào ba hòa hợp mà sanh khởi, làm cho ba hòa hợp muốn nói về Tản Không cho nên có ý đưa ra điều đó. Thức cũng Không: Nhãn xúc đã Không thì Nhãn thức không thể phát sanh. Không có nối tiếp nhau chuyển biến dao động cũng không sát-na nào không chuyển biến, cho nên nói là không có tướng động hay bất động. Nói bên trong không có ba thọ: Vì ba thọ sanh khởi xưa nay vắng lặng, trong các tâm sở xúc - thọ tiếp cận lẫn nhau, có khả năng rất hơn hẳn cho nên đưa ra hai thứ này thông thường điều khiển pháp còn lại. Nhĩ - tỷ - thiệt - thân ấy là nói rằng các loại nhĩ - nhĩ xúc - nhĩ thức v.v... tâm ý thức ấy là Thức thứ sáu, vị lai gọi là tâm, quá khứ gọi là Ý, hiện tại gọi là Ý thức, dựa vào tùy theo chuyển môn đưa ra ba tên gọi này, để hiển bày ba đời đều là không vắng lặng. Mạt-na, A-lê-da thứ bảy thứ tám đều giống như Nhãn thức cho nên cũng bất sanh khởi. Văn giải thích rộng xong. Kế là nói Tâm vắng lặng ấy là văn gần kết luận tám Thức vắng lặng và tâm vô sanh là kết luận xa với văn nói Thể vắng lặng vô sanh.

Kinh: “Nhược sanh tâm vắng lặng, nhược sanh vô sanh tâm, thị hữu sanh hành phi vô sanh hành, nội sanh tam thọ tam hành ba cõi”. Nếu sanh khởi tâm vắng lặng, hoặc khởi vô sanh tâm, là có sanh hành mà chẳng phải không có sanh hành, bên trong sanh khởi ba Thọ - ba Hành - ba giới.

Luận chếp: Đây là phần hai nêu ra cái sai, nghĩa là có sở đắc. Người học Đại thừa không thể là không tám thức thì làm trái sự vắng lặng đó, cho nên nói là sanh khởi tâm vắng lặng. Không biết Vô sanh của tâm xuất thế, nói là có tâm sanh khởi chứng lý vô tướng, cho nên nói là sanh khởi vô sanh tâm. Dứt khóat là Hành trôi lăn của thế gian mà trái với Vô sanh nhãn hành của xuất thế, vì thế nói là có sanh hành v.v... Nói ba Hành là thân miệng ý dấy lên có cả thiện và bất thiện. Nói ba giới ấy là thân khẩu ý dừng lại chỉ giữ lấy điều thiện đó. Sanh khởi ba hành, ba Giới này làm nhân mà sanh khởi ba cõi thọ nhận đầy đủ ba

thọ, trôi lăn như vậy không thể nào giải thoát.

Kinh: “Nhược vắng lặng sanh tâm bất sanh, bất thường vắng lặng vô công dụng, bất chứng vắng lặng tướng, diệt bất trụ ư vô chứng, khả xứ vô trụ, tổng trì vô tướng. Tức vô tam thọ đẳng tam, tất giai vắng lặng, thanh tịnh vô trụ, bất nhập Tam-muội, bất trụ tọa thiền, vô sanh vô hành”. Nếu vắng lặng sanh khởi tâm bất sanh, tâm thường vắng lặng không công dụng, không chứng tướng vắng lặng, cũng không trụ trong vô tướng, tức là không có các thứ ba như ba Thọ v.v... thấy đều vắng lặng, thanh tịnh vô trụ, không nhập vào Tam-muội, không trụ trong ngôi thiền, vô sanh vô hành.

Luận chép: Đây là phần thứ ba nói cái đúng: Nói nếu vắng lặng sanh khởi tâm bất sanh: Ngược lại câu “Nếu sanh khởi tâm vắng lặng” trước đây, vì xả bỏ các tâm sanh khởi không giữ lấy sanh khởi. “Tâm thường vắng lặng vô công vô dụng.” Ngược lại câu “Nếu sanh vô sanh tâm” trước đây, vì xa lìa tướng của các sự sanh diệt khởi động cũng không có công dụng tác ý phân biệt. Không thể chứng tướng vắng lặng: Tuy xả bỏ tâm của sanh khởi, mà không giữ lại tướng vắng lặng. Cũng không trụ ở vô chứng: Mặc dù tâm không giữ lấy tướng vắng lặng nhưng không rơi vào sai lầm vô chứng. Có thể ở vô trụ: Là nói chung về xa lìa sai lầm chấp đắm, vì các nơi có thể an trụ đều không thể an trụ. Nơi có thể an trụ ấy là nếu xả bỏ sanh khởi thì có thể an trụ vắng lặng, nếu xả bỏ có chứng đạt thì có thể an trụ vô chứng, như vậy nơi thích hợp đều là Vô trụ. Tổng trì vô tướng: Nói chung đầy đủ công đức, nghĩa là tâm vô sanh nắm giữ đức các hành mà cùng chung một vị tướng Vô sai biệt. Tức không có ba như ba thọ ... Ngược lại câu: “Bên trong sanh tam thọ ...” Trước đây, vì xa lìa tướng nhân quả trôi lăn. Thấy đều vắng lặng: Vì thấu suốt các loại như ba Thọ xưa nay là không. Thanh tịnh vô trụ: Vì tâm thường thấu chẳng trụ vào Không. Chẳng nhập Tam-muội”: Thường quên đi tâm nhập định của thế gian. Không trụ ngôi thiền: Cũng xả bỏ thế gian trụ vào thiền vắng lặng. Nếu thường như vậy thì tâm sanh khởi không có cũng không có hành của phân biệt, cho nên nói là Vô sanh vô hành.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Thiền năng nhiếp động, định chư huyễn loạn, vân hà bất thiền?”. Tâm Vương Bồ-tát chép: Thiền có thể thấu nhiếp dao động làm ổn định các sự huyễn loạn, vì sao không thể thiền?

Luận chép: Đây là phần thứ bảy nói về nghi, ý nghi: Tất cả các thiền định có thể thấu nhiếp ý niệm dao động, làm cho tâm tán loạn

được yên định, vì sao tâm vô sanh hành xuất thế cũng không thể nhập vào, an trụ thiền định? Nếu không thể thiền thì phải dao động. Có nghi ngờ như vậy nên nhân dịp hỏi về điều đó.

Kinh: “Phật ngôn: Bồ-tát! Thiền tức thị động, bất động bất thiền thị vô sanh thiền, thiền tánh vô sanh, ly sanh thiền tướng, thiền tánh vô tướng lý trụ thiền động, tri thiền tánh vô hữu động tĩnh, tức đắc vô sanh, vô sanh Bát-nhã, diệt bất y trụ, tam diệt bất động, dĩ thị cố cố đắc vô sanh Bát-nhã Ba-la-mật”. Đức Phật nói: Này Bồ-tát ! Thiền tức là động không động không thiền là vô sanh thiền, thiền tánh vô sanh, lìa sanh khởi thiền tướng, thiền tánh vô trụ, lìa an trụ thiền động, biết thiền tánh không có động tĩnh, tức là đạt được vô sanh, vô sanh Bát-nhã cũng không dựa vào tâm an trụ, tâm cũng không xao động, vì trí này cho nên đạt được Vô sanh Bát-nhã Ba-la-mật.

Luận chép: Đây là phần thứ tám xử lý sự nghi ngờ. Nói Thiền chính là động: Nghĩa là thiền thế gian tuy chẳng phải tán loạn mà giữ lấy cảnh tướng, giữ lấy tướng thì tâm sanh khởi vì sanh khởi cho nên xao động, xa lìa được thiền của sanh khởi xao động như vậy mới được nhập vào lý định, do đó nói là thiền vô sanh. Lý ổn định như vậy thì tánh không có sanh khởi xao động, cho nên nói là Thiền tánh vô sanh, chẳng phải dứt khốt bất sanh khởi cũng không an trụ vắng lặng, cho nên nói là Thiền tánh vô trụ. Nếu có sanh khởi thì là tướng, có chấp đắm thì là động, nay chính là trái với điều này cho nên nói lìa sanh khởi thiền tướng, lìa an trụ thiền động. Các câu trên đây nói về tướng định theo lý. Từ “Biết thiền tánh v.v...” trở xuống là nói về tướng trí theo lý. Chỉ dựa vào một Thể mà nghĩa phân làm hai: Biết thiền tánh không có hữu động là biết thiền tánh không có sanh khởi. Không có tĩnh là không hề an trụ. Tức đắc vô sanh là được lý không có sanh khởi. Vô sanh Bát-nhã là đạt được hành không có sanh khởi. Cũng không dựa vào an trụ ấy là nói rằng trí Vô sanh không dựa vào lý an trụ mà xa lìa năng sở. Tâm cũng bất động tuy không dựa vào lý an trụ mà chẳng phải sanh khởi tâm xao động. Do vào trí như vậy có thể đến bờ bên kia (bỉ ngạn), cho nên nói là Bát-nhã Ba-la-mật. Tám phần trên đây hợp lại thành phần thứ hai quay trở lại chất vấn - trả lời.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát ngôn: Tôn giả ! Vô sanh Bát-nhã ư nhất thiết xứ vô trụ, ư nhất thiết xứ vô ly, tâm vô xứ trụ, vô xứ trụ tâm, vô trụ vô tâm, tâm vô sanh trụ. Như thử trụ tâm tức vô sanh trụ. Tôn giả! Tâm vô sanh hành bất khả tư nghị, bất tư nghị trung khả bất khả nói?”. Bồ-tát Tâm Vương chép: Bạch Đức Thế Tôn! Vô sanh Bát-nhã không

trụ ở Nhất thiết xứ, không lìa Nhất thiết xứ, tâm không trụ xứ, không có xứ trụ tâm; không án trụ không có tâm, tâm bất sanh khởi an trụ. Như vậy an trụ tâm tức là bất sanh khởi an trụ. Bạch Đức Thế Tôn! Tâm không có sanh hành không thể nghĩ bàn có thể giảng nói hay không?

Luận chép: Đây là phần thứ ba lãnh ngộ hiểu rõ. Nhất thiết xứ là tất cả mọi nơi chân - chân tục - động - tịnh v.v... Nói không trụ ấy là đối với tất cả mọi nơi này chẳng có gì đạt được. Nói không lìa ấy là đối với tất cả nơi này không có gì không đạt được. Vì sao? Vì tất cả nơi chốn kia thấy đều không phải như thế – chẳng phải không thể như thế. Tâm không trụ xứ là không có sở trụ xứ. Không có xứ trụ tâm là không có tâm năng trụ. Không trụ không tâm là hợp cùng hai câu trước, vì tâm không có nơi chốn, có an trụ. Tâm bất sanh khởi an trụ ấy là chẳng thể không có tâm bất sanh khởi không an trụ. Như an trụ tâm ấy là kết luận đối với tất cả nơi chốn không thể an trụ cho đến nơi xa lìa trước đó. Nghĩa về không xa lìa giả thiết lập ra an trụ. Tức bất sanh khởi an trụ ấy là kết luận, tâm không có nơi chốn an trụ cho đến tâm bất sanh khởi an trụ” trước đó, vì trụ tức là vô trụ, vô trụ chính là trụ. Tâm vô sanh hành không thể nghĩ bàn ấy là xa lìa nói năng bật dứt suy tư. Trong không thể nghĩ bàn là có thể thuyết hay không là vì xa lìa nói năng cũng lìa luôn sự xa lìa nói năng. Vì xa lìa nói năng cho nên nói năng không thể nói. Lìa cả sự xa lìa nói năng cho nên cũng có thể nói được. Nói có thể nói ấy là không phải không thể như vậy. Không thể nói là chẳng phải đúng như vậy. Vì thế nói chung rằng “Khả bất khả nói”, nluống đồng nói nói giảng nói hay không có thể, nên biết rằng suy nghĩ đó cũng hay không có thể, chỉ nêu ra một phía phỏng theo biểu hiện mà thôi.

Kinh: “Phật ngôn: Như thị như thị!”. Đức Phật nói: Đúng vậy, đúng vậy!

Luận chép: Đây là phần thứ tư nói rõ thành tựu. Như sự lĩnh hội hiểu rõ trước đó không phải dứt khoát phù hợp với đạo lý, cũng chính là kính mến xứng với lời Phật dạy, cho nên nói lặp lại “đúng vậy, đúng vậy”. Phần Trường Hàng về chánh nói ở trước đã xong.

Kinh: “Tâm Vương Bồ-tát văn như thị ngôn thán vị tăng hữu nhi nói kệ ngôn”. Tâm Vương Bồ-tát nghe nói như vậy khen ngợi không hề có mà nói kệ rằng.

Luận chép: Dưới đây là phần thứ hai dùng kệ khen ngợi giảng nói. Trong đó có hai: Trước là lời tựa - sau là bài tụng. Nghe nói như vậy ấy là nghe Đức Phật nói về nội dung của một phẩm này.

Kinh: “Mãn túc đại trí tôn, giảng nói vô sanh pháp, văn sở vị tăng văn, vị nói nhi kim nói”. Đấng đầy đủ đa trí tuệ, nói rộng về pháp vô sanh, nghe điều không hề được nghe, chưa nói mà nay nói.

Luận chép: Dưới đây là ba bài tụng không phải văn tụng riêng mà là khen ngợi chung. Trong đó có bốn: Pháp - dụ - hợp và kết. Đây là phần thứ nhất Pháp nói. Khen ngợi “Chưa nói mà nay nói” ấy là tuy trước đó nói rộng, bây giờ kinh này nói giảng lược nghĩa phong phú - văn đơn giản lý tận tường. Dường như sự vi diệu này trước đây chưa nói ra.

Kinh: “Do như tịnh cam lộ, thời thời nãi nhất xuất, nan ngộ nan tư nghị, văn giả diệc phục nan, vô thượng lương phước điền, tối thượng thắng diệu dục, vị độ chúng sanh cố, nhi kim vị giảng nói”. Giống như cam lộ thanh tịnh, thường mà một lần xuất hiện, khó, gặp khó nghĩ bàn, người nghe cũng giống khó, ruộng phước tốt lành vô thượng, vị thuốc tuyệt diệt trên hết, vì cứu độ cho chúng sanh, mà nay vì đó giảng nói.

Luận chép: Dưới đây hai câu là phần thứ hai về Dụ. Nói Cam lộ ấy là vị thuốc của sự bất tử, để dụ cho kinh này có khả năng vượt ra sanh tử. Kế bốn câu là phần thứ ba kết hợp, ruộng phước tốt Vô thượng là khen ngợi người có khả năng nghe, thuốc hay tốt trên hết là kết hợp với pháp được nghe. Hai câu sau cuối là phần thứ tư kết luận.

Kinh: “Nhĩ thời chúng trung văn nói thử dĩ giai đắc vô sanh vô sanh Bát-nhã”. Lúc bấy giờ trong chúng hội nghe tụng nói này xong đều đạt được vô sanh - vô sanh Bát-nhã.

Luận chép: Đây là phần thứ ba lúc chúng hội được ích lợi. Địa tiền phàm phu nghe nói phẩm này đạt được Vô sanh nhập nhập vào Sơ Địa.
